TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 15.10.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn B và Bà Lò Thị Ly S

Thư ký phiên toà: Ông Lâu Văn C , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Lâu Văn L - Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 02/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Vi Văn B** , sinh năm 1975; Trú tại: Bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc Thái; Nghề nghiệp Trồng trọt. Học vấn: 6/12. Con ông: Vi Văn C , sinh năm 1944 (Đã chết và bà: Hà Thị L , sinh năm 1944. Vợ Vi Thị h , sinh năm 1976. Có hai người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1996. Hiện tại mẹ, vợ và các con của bị cáo B đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại: Bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Lương Văn L** , sinh năm: 1984. Trú tại: Bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc Thái; Nghề nghiệp Trồng trọt. Học vấn: 7/12. Con ông: Lương Văn D (Đã chết) và bà: Vi Thị P , sinh năm 1950. Vợ: Hà Thị H , sinh năm 1986. Có 01 người con, sinh năm 2011. Hiện tại mẹ, vợ và con của bị cáo L đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại: Bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có QLVNV liên quan: Vi Văn B , sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Hà Văn K i và ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 15/6/2019, Vi Văn B lấy xe máy biển kiểm soát 36P9 - 3193 của anh trai là Vi Văn B , sinh năm 1971 ở cùng bản, mục đích đi xuống xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đi đến thị trấn Mường Lát thì gặp Lương Văn L , sinh năm 1984 ở cùng bản đang đi bộ ở khu vực Chợ thị trấn Mường Lát. B rủ L cùng đi tìm mua ma túy để sử dụng và L đồng ý. B điều khiển xe máy, chở L đi theo đường tỉnh lộ 521D đến xã Mường Lý, đi theo Quốc lộ 16C đến bản Tà Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa vào nhà ông Phạm Minh D , sinh năm 1973 là người quen của Bình để tìm mua ma túy. Ông Dám không ở nhà nên Bình và Lập ở lại nhà ông Dám chờ. Đến sáng ngày 16/6/2019, ông Dám vẫn chưa về, Bình và Lập lên cơn nghiện ma túy, Bình lấy xe máy một mình đi đến bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa để tìm mua ma túy. Đến nơi, Bình gặp một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 35 tuổi, không quen biết ở ngoài đường, Bình hỏi người này có ma túy bán không, người này trả lời là có. Bình đưa cho người này 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mua được một cục heroine và tám viên ma túy tổng hợp. Mua được ma túy, B quay trở lại nhà ông D cùng với L lấy một ít heroine để sử dụng. Sử dụng xong B và L nghỉ lại nhà ông D đến chiều cùng ngày thì rủ nhau về. Trước khi đi về, B hỏi L có cầm được ma túy đi đường không, nếu cầm được thì cầm ma túy về cùng nhau sử dụng, L trả lời là có thể ngậm ma túy vào miệng và nuốt chửng ngay nếu bị lực lượng Công an kiểm tra. Sau đó, B và L cùng gói số ma túy còn lại gồm một cục heroine vào một gói nilon màu trắng và tám viên ma túy tổng hợp vào một gói nilon màu hồng, rồi gói hai gói ma túy trên vào một gói nilon màu hồng, Lập ngậm gói nilon chứa ma túy ở trong miệng, B điều khiển xe máy chở L ngồi sau đi theo Quốc lộ 16C về nhà. Đến 17 giờ cùng ngày đi đến khu vực bản Tài Chánh, xã Mường Lý, huyện Mường Lát thì bị tổ công tác của Công an huyện Mường Lát yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Lập lấy số ma túy trong miệng ra ném xuống lề đường bên Ta - luy âm, tổ công tác đã yêu cầu Lập tự tay nhặt gói nilon vừa ném lên để tiến hành kiểm tra, phát hiện: 01 gói nilon màu hồng bên trong có một gói nilon màu trắng bên trong có một cục bột dạng nén màu trắng ngà; một gói nilon màu hồng bên trong có chứa tám viên nén màu hồng, hình trụ tròn, trên bề mặt mỗi viên có dập chìm chữ "WY". B và L khai nhận đó là heroine và ma túy tổng hợp mà bản thân đang tàng trữ để sử dụng. Tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, đưa B và L cùng

toàn bộ tang vật liên quan đến trụ sở UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát để làm việc.

Tại bản kết luận giám định số: 1539/PC09, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

*- Một cục bột dạng nén, màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng **1,662g** (một phẩy sáu sáu hai gam) loại: Heroine.*

*- Tám viên nén màu hồng hình trụ tròn, trên bề mặt mỗi viên có dập chìm chữ "WY" của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng **0,790g** (không phẩy bảy chín không gam) loại: Methamphetamine.*

Do hêroin và Methamphetamine đều được quy định trong cùng tại một điểm của khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, tổng trọng lượng các bị can tàng trữ là **2,452g** (1,662g hêroin + 0,790g Methamphetamine).

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS-MT ngày 22/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố Các bị cáo Vi Văn B và Lương Văn L phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Vi Văn B và Lương Văn L phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm i khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo.

Về hình phạt:

- Bị cáo Vi Văn B : Từ 28 đến 32 tháng tù.

- Bị cáo Lương Văn L : Từ 26 đến 28 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của hai bị cáo tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo, vì bị cáo Lập là hộ nghèo, cả hai bị cáo đều làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định, đều là người nghiện chất ma túy, nên không có tính thực thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Bị cáo Bình có tội nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Lập có sổ hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Cả hai bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận, biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kìm chế được bản thân, các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố và luận tội của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo và miễn án phí cho bị cáo L . Những người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Người bào chữa cho bị cáo B cho rằng, bị cáo bình là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã Tén Tằn, huyện Mường Lát. Đây là xã Biên giới trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bị cáo Bình được miễn án phí HSST. Đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo B.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt, để các bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của các bị cáo tàng trữ tổng trọng lượng ma túy là **2,452g** (1,662g hêroin + 0,790g Methamphetamine) để sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước, ma tuý là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó và còn là nguyên nhân làm lây lan căn bệnh thế kỷ HIV - AIDS. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu và đều nghiện chất ma túy, bị cáo Bình là người rủ bị cáo Lập đi mua ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân, không có mục đích khác. Bị cáo Bình là người rủ bị cáo Lập đi mua về cùng dử dụng nên phải chịu hình phạt nặng hơn. Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Trọng lượng ma túy các bị cáo tàng trữ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Với các tình tiết này HĐXX xem xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định, gia đình bị cáo Lập thuộc hộ nghèo. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

- Số ma túy tang vật vụ án thu giữ của các bị cáo còn lại sau khi giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- Một xe máy mà các bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy. Qúa trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Vi Văn Bùng, sinh năm 1971 ở bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa (anh trai ruột của bị can Bình), bản thân ông Bùng không biết việc Bình tự ý lấy xe đi mua ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành trả lại chiếc xe máy có đặc điểm trên cho ông Vi Văn Bùng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa ông Bùng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn lại thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Theo lời khai của bị cáo Bình, người đàn ông dân tộc Mông khoảng 35 tuổi tại bản Pạo, xã Trung Sơn, Quan Hóa, thanh hóa đã bán ma túy cho bị cáo Bình nhưng Bình không biết tên, địa chỉ nên không có căn để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên: Các bị cáo Vi Văn B và Lương Văn L phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*"

Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm i khoản 1 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1điều 51 BLHS.

Xử phạt: Hình phạt chính: - Bị cáo Vi Văn B 26 (Hai sáu) tháng tù.

- Bị cáo Lương Văn L 24 (*Hai bốn*) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ (16/6/2019). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lưu Bình Nguyên, Trần Khánh Minh và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa bên trong có chứa toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định, hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Vật chứng kể trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 37/QĐ-VKS-ML, ngày

22/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/9/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho cả hai bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt các bị cáo; Người bào chữa cho các bị cáo; người có QLVNV liên quan. Các bị cáo và người có QLVNV liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tén Tằn, H. Mường Lát
- Các bị cáo; người có QLVNV liên quan;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.